TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Hoạt

Ông Lục Anh Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thùy Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tấm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1992 - Địa chỉ: Thôn B (nay là thôn B), xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Triệu Mùi P, sinh năm 1995 - Địa chỉ: Thôn B (nay là thôn B), xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2024, nộp trực tiếp ngày 01/11/2024, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Hoàng Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Mùi P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã H), huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày

05/9/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh cách đây khoảng 04 đến 05 năm. Nguyên nhân là do chị P đòi đi làm công ty xa nhà, anh không nhất trí vì vợ chồng có con nhỏ, muốn ở gần nhau để làm ăn nên giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hơn nữa, chị P còn ngoại tình, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, khi anh khuyên nhủ thì chị P không nghe, còn thường bỏ đi khỏi nhà, anh có đi đón và khuyên nhủ chị P quay về. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần. Sau hòa giải, vợ chồng tiếp tục chung sống được một thời gian ngắn và mâu thuẫn lại lặp lại. Đến tháng 7 năm 2024, chị P đã bỏ đi khỏi nhà, khi đi đã mang theo chiếc xe máy (phương tiện duy nhất của cả gia đình hàng ngày dùng để đưa đón các con đi học, anh đi làm) và toàn bộ số tiền của gia đình. Cả 01 tháng không kiên lạc về nhà. Sau đó, anh thấy thông tin của chị P trên mạng xã hội (facebook và T1) thì mới biết thông tin của chị P. Anh có gọi điện nhưng chị P không nghe, anh nhắn tin qua zalo thì có lúc trả lời có lúc không. Số điện thoại của chị P là 0384.357.254, 0392 780 702. Khi anh nhắn tin đề nghị ly hôn thì chị P nhắn lại là đồng ý nếu cần cứ làm thủ tục chị P sẽ về theo giấy gọi của Toà án. Nhưng khi có giấy triệu tập của Tòa án thì chị P lại từ chối nhận. Từ đó đến nay chị P không quay trở về nhà. Nay anh thấy cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm, anh thấy không còn tình cảm với chị P nên kiên quyết xin được ly hôn với chị Triệu Mùi P.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung tên Hoàng Nguyệt N1, sinh ngày 26/3/2013 và Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 26/5/2014 (Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường). Hiện nay các cháu đang sống cùng anh. Ly hôn, anh có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu. Anh không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do chị P không có mặt tại địa phương nơi cư trú, có thái độ không hợp tác trong thời điểm giải quyết vụ án, cụ thể, chị P đã được nhân viên bưu điện V thuộc xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và anh N gọi điện thoại, nhắn tin thông báo về việc Tòa án nhân dân huyện N triệu tập chị P nhưng chị P thông báo lại là không nhận giấy và không về theo giấy triệu tập. Trong thời gian bỏ đi khỏi nhà, chị P vẫn về địa phương để làm các thủ tục cấp, nhận căn cước của mình tại Công an huyện N, Công an xã H nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Do đó, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng có liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền thôn B (nay là thôn Bản M), nơi cư trú của chị P, anh N xác định: Quá trình vợ chồng chung sống, giữa chị P và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh N cho rằng chị P ngoại tình, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, khi anh N nhắc nhở thì chị P đập vỡ cửa kính trong nhà, nhiều

lần bỏ nhà đi, không liên lạc với chồng con. Chính quyền thôn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau đó, sự việc lại lặp lại. Từ cuối năm 2024, chị P lại bỏ nhà đi cho đến nay, không quay về thôn.

Xác minh những người làm chứng là hàng xóm của anh N chị P xác nhận: Vợ chồng sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P thường xuyên nhắn tin, gọi điện thoại cho người đàn ông khác, khi anh N nhắc nhở thì vợ chồng cãi nhau. Mỗi lần cãi nhau, chị P lại bỏ nhà đi, anh N có tìm chị P về và báo với chính quyền thôn đến hòa giải nhưng sau đó mâu thuẫn lại tiếp diễn và chị P lại bỏ đi. Gần đây nhất là khoảng giữa năm 2024, chị P lại bỏ đi và không quay về nhà nữa.

Ngày 20/3/2025, Tòa án đã mở phiên tòa sơ thẩm để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất. Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần 2.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

***** Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn N về việc ly hôn với chị Triệu Mùi P.

- Về con chung: Giao 02 con chung cho anh Hoàng Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh N khởi kiện chị P yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B (nay là thôn B), xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 20/3/2025 và ngày 10/4/2025 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị P chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã H), huyện N, tỉnh Bắc Kạn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2012 ngày 05/9/2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Anh N xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị P đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt; không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, kết quả xác minh thể hiện mâu thuẫn giữa anh N với chị P đã được chính quyền thôn hòa giải nhiều lần nhưng sự việc vẫn tiếp diễn, mâu thuẫn không được cải thiện, điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, người làm chứng. Bên cạnh đó, quá trình chung sống, anh N nghi ngờ chị P ngoại tình nên vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay không còn quan tâm, hỏi han, chăm sóc gì đến nhau. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn giữa anh N và chị P đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không tin tưởng, yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh N yêu cầu được ly hôn với chị P là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Nguyệt N1, sinh ngày 26/3/2013 và Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 26/5/2014. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cả 02 cháu đều sống cùng anh N. Anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 cháu. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cả 02 cháu. Hơn nữa, từ khi chị P bỏ đi, không quan tâm đến các con, các cháu đã sống cùng anh N, vẫn được đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập tốt. Anh N có chỗ ở ổn định, có công việc làm nông nghiệp, chăn nuôi, làm thuê, có thu nhập tương đối ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cả 02 cháu cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp

nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, cũng là phù hợp với nguyện vọng của cả anh N và các con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Văn N là người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn N đối với chị Triệu Mùi P về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn N được ly hôn với chị Triệu Mùi P.

1.2. Về con chung: Giao 02 cháu Hoàng Nguyệt N1, sinh ngày 26/3/2013 và Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 26/5/2014 cho anh Hoàng Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Văn N được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ